

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HSST
Ngày 15-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chào.

Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1998, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp MT, xã MP, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Vàng, sinh năm 1965 và bà La Ngọc Th, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 13/4/2019 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Nguyễn Trung H1, sinh ngày 02/01/2002, nơi cư trú: Ấp BQ 2, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Phạm Thị X, sinh năm 1968 (mẹ của bị hại), nơi cư trú: Ấp BQ 2, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Gi, sinh năm 1986, nơi cư trú: Ấp TT A, xã ĐT, huyện AM, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Lê Minh Nh, sinh năm 1974, nơi cư trú: Ấp HT, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Lê Thanh N, sinh năm 2000, nơi cư trú: Ấp HT, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. La Ngọc Th, sinh năm 1964, nơi cư trú: Ấp MT, xã MP, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

5. Bùi Hoàn C, sinh năm 1957, nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

6. Trần Thị L, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp T 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang (vắng mặt).

7. Nguyễn Long H2, sinh năm 1997, nơi cư trú: Ấp T 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang (vắng mặt).

8. Đặng Văn B Th, sinh năm 1988, nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

9. Võ Văn P, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp MT, xã MP, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Trà Văn Đ, sinh năm 1990, nơi cư trú: Ấp MT, xã MP, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Hà Văn Kh, sinh năm 1988, nơi cư trú: Ấp MT, xã MP, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H2 sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và Nguyễn Trung H1 quen biết nhau qua mạng Internet. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 07/4/2019, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trung H1 hẹn gặp nhau tại khu vực chợ MĐ, huyện C để trao đổi phụ tùng xe mô tô. Do đã có ý định chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Trung H1 từ trước, khi gặp nhau, Nguyễn Văn H nói dối mượn xe mô tô biển số 67AK-070.16 và 01 điện thoại hiệu Samsung J4 để nhắn tin cho bạn và chạy thử xe; Trung H1 tin thật nên đã giao xe và điện thoại cho Nguyễn Văn H. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, ngày 10/4/2019, Nguyễn Văn H mang điện thoại hiệu Samsung J4 bán cho Đặng Văn B Th giá 1.000.000 đồng và đã tiêu xài hết. Ngày 13/4/2019, Nguyễn Văn H

chạy xe mô tô biển số 67AK-070.16 đến tiệm sửa xe của Hà Văn Kh để sửa thì bị Công an xã MĐ, huyện C bắt giữ.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô biển số 67AK-070.16, Nn hiệu DAEEHAN, màu sơn trắng đen, số loại: 50, số máy: P39FMB001020, số khung: B2UMGK000920 (không có bình xăng con). Đã trả lại cho Nguyễn Trung H1.

- 01 (một) xe mô tô biển số 68FA-003.98, Nn hiệu FERROLI, màu sơn đỏ đen, số loại: 50, số máy: P39FMB066327, số khung: B2UMAXB66327.

- 01 (một) hộp giấy loại dùng đựng điện thoại di động, trên mặt trước và sau có hình và chữ Samsung Galaxy J4 16GB và các thông số kỹ thuật. Mặt đáy hộp có số Emei: 358131094343416, color: Gold, đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL.ĐGTSTTHS ngày 16/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định:

- 01 xe mô tô biển số 67AK-070.16, Nn hiệu DAEEHAN, màu sơn trắng đen, số loại: 50, số máy: P39FMB001020, số khung: B2UMGK000920 (không có bình xăng con) có giá trị 5.000.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4 16GB, đã qua sử dụng, có giá trị 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên, cụ thể: Do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước, Nguyễn Văn H đã nói dối mượn xe mô tô biển số 67AK-070.16 và 01 điện thoại hiệu Samsung J4 của Nguyễn Trung H1 để nhắn tin cho bạn và chạy thử xe; khi Trung Hậu tin tưởng giao xe và điện thoại thì Nguyễn Văn H chiếm đoạt tài sản chạy đi mất, bỏ lại xe mô tô biển số 68FA-003.98 của Văn H tại tiệm sửa xe của Trà Văn Đ. Sau đó, Văn Hậu bán điện thoại hiệu Samsung J4 cho Đặng Văn B Th với giá 1.000.000 đồng, số tiền này Nguyễn Văn H dùng vào những mục đích sau: Mua phụ tùng xe mô tô tại tiệm của Bùi Hoàn C với số tiền 270.000 đồng; mua chai nhớt tại tiệm sửa xe P với số tiền 80.000 đồng; mua phụ tùng xe mô tô qua mạng Internet, không rõ tên, địa chỉ người bán. Ngày 13/4/2019, Văn H đem xe mô tô biển số 67AK-070.16 đến tiệm sửa xe của Hà Văn Kh thì bị bắt.

Nguyễn Trung H1 trình bày phù hợp với nội dung vụ án, cụ thể: Ngày 07/4/2019, Trung H1 và Nguyễn Văn H có hẹn gặp nhau để đổi phụ tùng xe. Văn H nói mượn xe mô tô biển số 67AK-070.16 để chạy thử và mượn điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4 của Trung H1 để nhắn tin cho bạn, Trung Hậu tin thật nên đã giao xe và điện thoại cho Văn H. Tuy nhiên, Văn H đã chiếm đoạt xe và điện thoại chạy đi không quay trở lại; Văn H để lại xe mô tô biển số

68FA-003.98 của Văn H tại tiệm sửa xe của Trà Văn Đ. Sau khi sự việc xảy ra, mẹ của Văn H là La Ngọc Th có bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 1.500.000 đồng. Trung H1 đã nhận lại xe mô tô biển số 67AK-070.16; không yêu cầu Văn H bồi thường thêm. Trung Hậu xin giảm nhẹ hình phạt cho Văn H và không có yêu cầu gì khác.

La Ngọc Th trình bày: Th là mẹ ruột của Nguyễn Văn H. Văn H có đem xe mô tô biển số 67AK-070.16 để trong nhà, nhưng nói với Th xe này do đổi với người khác mà có. Th không biết việc Văn H chiếm đoạt tài sản của người khác. Th đã bồi thường, khắc phục hậu quả giá trị chiếc điện thoại di động cho Nguyễn Trung H1 với số tiền 1.500.000 đồng. Nay Th không có yêu cầu gì khác.

Đặng Văn B Th trình bày: Ngày 09/4/2019, Nguyễn Văn H có bán cho Th 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4, số Emei: 358131094343416, màu vàng với giá 1.000.000 đồng. Ngày 10/4/2019, Th đã bán điện thoại này lại cho một thanh niên lạ mặt với giá 1.600.000 đồng. Th không biết chiếc điện thoại do Văn H chiếm đoạt của người khác mà có.

Lê Thanh N trình bày: Tháng 3/2019, N bán xe mô tô biển số 67AK-070.16 cho Nguyễn Trung H1 với giá 6.000.000 đồng, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Long H2. N không tranh chấp về quyền sở hữu xe; không có yêu cầu gì khác.

Lê Minh Nh trình bày: Năm 2018, Nh mua xe mô tô biển số 67AK-070.16 của Nguyễn Long H2 với giá 7.000.000 đồng, không có làm giấy tờ; Nh cho lại con trai là Lê Thanh N để đi học hàng ngày; N có báo cho Nh biết đã bán xe lại cho Nguyễn Trung H1. Nh không tranh chấp về quyền sở hữu xe; không có yêu cầu gì khác.

Nguyễn Long H2 trình bày: Xe mô tô biển số 67AK-070.16 do mẹ của H2 là Trần Thị L mua cho H2 để đi làm hàng ngày, với giá 12.500.000 đồng; H2 đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau đó mẹ H2 đã bán xe cho người khác. H2 không tranh chấp về quyền sở hữu xe; không có yêu cầu gì khác.

Trần Thị L trình bày: Linh có mua chiếc xe mô tô biển số 67AK-070.16 để cho H2 đi làm hàng ngày. Khi H2 bị đưa đi cai nghiện bắt buộc thì Linh đã bán xe cho một người đàn ông với giá 10.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Linh không tranh chấp về quyền sở hữu xe; không có yêu cầu gì khác.

Đặng Gi trình bày: Xe mô tô biển số 68FA-003.98 do Giang đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Năm 2016, Giang đã bán xe cho một người đàn ông với giá 3.000.000 đồng, không có làm giấy tờ. Giang không tranh chấp về quyền sở hữu xe; không có yêu cầu gì khác.

Bùi Hoàn C trình bày: Châu có kinh doanh mua bán phụ tùng xe mô tô. Do có nhiều người đến cửa hàng mua phụ tùng nên Châu không nhớ có bán phụ tùng cho Nguyễn Văn H hay không.

Võ Văn P trình bày: P làm nghề sửa xe, P không nhớ có bán chai nhớt cho Nguyễn Văn H theo lời Văn Hậu đã khai.

Người làm chứng Trà Văn Đ khai: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 07/4/2019, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trung H1 đến tiệm sửa xe của Đ mượn dụng cụ mở bình xăng con để trao đổi xe. Sau đó, Văn H mượn xe của Trung H1 để chạy thử, chạy đi đâu không rõ; khoảng 10 phút sau thì quay lại mượn tiếp điện thoại của Trung H1, nói là mượn để nhắn tin cho bạn. Văn H nói “ở tiệm sửa xe đợi chút, tao chạy vô đây lấy đồ rồi đảo ra”; khoảng 30 phút sau Trung H1 mượn điện thoại của Đ gọi cho Văn H thì không liên lạc được. Khi đi Văn H bỏ lại xe mô tô biển số 68FA-003.98 ở tiệm sửa xe Đ, lúc này Trung H1 đến Công an xã MĐ trình báo sự việc.

Người làm chứng Hà Văn Kh khai: Ngày 13/4/2019, Nguyễn Văn H đem xe mô tô biển số 67AK-070.16 đến tiệm của Kh để sửa và trả tiền công 5.000 đồng. Khi Văn H chuẩn bị lấy xe đi thì bị lực lượng công an bắt giữ.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố Nguyễn Văn H ra trước Tòa án nhân dân huyện C để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích về nhân thân của bị cáo, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 tháng đến chín tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 68FA-003.98, Nn hiệu FERROLI, màu sơn đỏ đen, số loại: 50, số máy: P39FMB066327, số khung: B2UMAXB66327. Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy loại dùng đựng điện thoại di động, trên mặt trước và sau có hình và chữ Samsung Galaxy J4 16GB và các thông số kỹ thuật. Mặt đáy hộp có số Emei: 358131094343416, color: Gold, đã qua sử dụng, do không còn giá trị sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh chấp về quyền sở hữu xe và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng. Bị cáo nhận tội, không tranh luận đối với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Trung H1 đã nhận số tiền 1.500.000 đồng do gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, nay không có yêu cầu gì khác, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà La Ngọc Th, là mẹ bị cáo, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 1.500.000 đồng, nay không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H2 sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra và lời khai của những người này phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước, Nguyễn Văn H đã nói dối mượn xe mô tô biển số 67AK-070.16 và 01 điện thoại hiệu Samsung J4 của Nguyễn Trung H1 để nhắn tin cho bạn và chạy thử xe. Khi Trung H1 tin tưởng giao xe và điện thoại thì Văn H đã chiếm đoạt tài sản chạy đi mất, bỏ lại xe mô tô biển số 68FA-003.98 của Văn H tại tiệm sửa xe của Trà Văn Đ. Sau đó, Văn H bán điện thoại hiệu Samsung J4 cho Đặng Văn B Th với số tiền 1.000.000 đồng, số tiền này Văn H

dùng vào việc mua phụ tùng xe mô tô, sửa xe và tiêu xài cá nhân; đến ngày 13/4/2019 thì bị bắt.

Căn cứ kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, chiếc xe mô tô biển số 67AK-070.16 và chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J4 mà Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt của có giá trị là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với các lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra.

Đối với Đặng Văn B Th, do không biết chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J4 do bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo bán điện thoại cho Đặng Văn B Th có được, bị cáo khai đã dùng để mua phụ tùng xe mô tô, nhớt và sửa xe, ngoài lời khai của bị cáo thì không có chứng cứ nào khác nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tài sản hợp pháp của công dân là một trong những đối tượng được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn H là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; bị cáo có sức khỏe để lao động, làm ăn chân chính nuôi sống bản thân, tạo dựng cuộc sống có ích cho gia đình và xã hội, nhưng để thỏa mãn nhu cầu bản thân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, làm cho người khác tin tưởng và giao tài sản để bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, vi phạm pháp luật của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa p, gây hoang mang, bất ổn trong quần chúng nhân dân. Do đó, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét bị cáo là thành phần lao động nghèo có thu nhập thấp, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Trung H1 01 xe mô tô biển số 67AK-070.16. Xét đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Trung H1, nên việc Cơ quan điều tra xử lý trả lại xe cho Trung Hậu là đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe mô tô biển số 67AK-070.16 nên Hội đồng xét xử không xem xét; Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 67AK-070.16 thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 68FA-003.98, do bị cáo Nguyễn Văn H mua của người khác (không xác định được họ tên, địa chỉ người bán). Người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe là Đặng Gi không có tranh chấp về quyền sở hữu xe. Do xe mô tô biển số 68FA-003.98 là tài sản hợp pháp của bị cáo, là công cụ, tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 68FA-003.98 thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với 01 hộp giấy loại dùng đựng điện thoại di động, trên mặt trước và sau có hình và chữ Samsung Galaxy J4 16GB và các thông số kỹ thuật. Mặt đáy hộp có số Emei: 358131094343416, color: Gold, đã qua sử dụng, do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Trung H1 đã nhận lại xe mô tô biển số 67AK-070.16 và số tiền 1.500.000 đồng là giá trị của chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4, nay không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà La Ngọc Th đã tự nguyện dùng số tiền 1.500.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo Nguyễn Văn H, nay không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 174; Điều 47; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 13/4/2019).

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 68FA-003.98, Nn hiệu FERROLI, màu sơn đỏ-đen, số loại: 50, số máy: P39FMB066327, số khung: B2UMAXB66327, của bị cáo Nguyễn Văn H.

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy loại dùng đựng điện thoại di động, trên mặt trước và sau có hình và chữ Samsung Galaxy J4 16GB và các thông số kỹ thuật. Mặt đáy hộp có số Emei: 358131094343416, color: Gold, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2019 của Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện C (1);
- Nhà tạm giữ, THAHS CA HCP (2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- CCTHADS huyện C (2);
- Phòng H2 sơ (1);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu H2 sơ (1);
- Lưu VT (1).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị H2ng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ch�o Nguyễn Ngọc Bờ

Lê Thị H2ng Thi